

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

Số: 3877 /PECC2-TCNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Ho Chi Minh City, August 29<sup>th</sup>, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2/Power Engineering Consulting Joint Stock Company 2 (PECC2)
  - Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/Broker code: TV2
  - Địa chỉ/Address: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM, Việt Nam/32 Ngo Thoi Nhiem Street, Vo Thi Sau Ward, District3, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
  - Điện thoại liên hệ/Tel.: (028) 2221 6468 Fax: (028) 2221 0408
  - E-mail: [info@pecc2.com](mailto:info@pecc2.com)

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (mã CK: TV2) công bố thông tin Báo cáo tài chính Tổng hợp bán niên năm 2024 đã soát xét.

Power Engineering Consulting Joint Stock Company 2 (Stock code: TV2) announces the Reviewed semi-annual Combined Financial Statements 2024.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/8/2024 tại đường dẫn <https://www.pecc2.com/> /This information was published on the company's website on 29<sup>th</sup> August 2024, as in the link <https://www.pecc2.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/As above;
- HĐQT/BOD;
- TCKT/Financial & Accounting Division;
- Lưu/Archived: VT, TK1.

**Đại diện tổ chức/Organization representative**  
Người đại diện theo pháp luật/Legal representative  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Chairman of the Board of Directors



**Nguyễn Chơn Hùng**

Số: 3876/PECC2-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

V/v Giải trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của BCTC Tổng hợp soát xét bán niên.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);  
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, chi tiết nêu tại Chương III - Công bố thông tin của tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn;

Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện 2 (mã giao dịch: TV2) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

1/ Lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ 2023 sau soát xét.


Doanh thu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 đạt 600,9 tỷ (tăng 123% so với cùng kỳ 6 tháng năm 2023 sau soát xét) tương ứng tăng 331,4 tỷ, tăng trưởng chủ yếu từ doanh thu hoạt động EPC điện sinh khối Hậu Giang và doanh thu tư vấn Đường dây 500kV mạch 3, dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 2,8 tỷ (tăng 12,7%).

2/ Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau soát xét thay đổi từ 5% trở lên.


STT	Chi tiêu	6 tháng/ 2024 trước soát xét	6 tháng/ 2024 sau soát xét	Tăng/ giảm	%
1	Tổng Doanh thu	610.734.849.270	610.900.535.270	165.686.000	0,03%
2	Tổng Chi phí	581.553.692.025	578.818.309.288	(2.735.382.737)	0,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	29.181.157.245	32.082.225.982	2.901.068.737	-9,9%
4	Lợi nhuận sau thuế	<b>23.791.854.204</b>	<b>25.357.876.486</b>	1.566.022.282	6,6%

Tổng doanh thu tăng 165 triệu do ghi nhận bổ sung giá trị cốt lõi từ hoạt động đầu tư. Tổng chi phí giảm 0,5% (2,73 tỷ) chủ yếu đến từ việc hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã thu được tiền sau ngày 30/6/2024, dẫn tới lợi nhuận sau thuế sau soát xét đạt 25,3 tỷ, tăng 1,56 tỷ (tăng 6,6%) so với trước soát xét.

Bảng văn bản này, TV2 kính giải trình.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT. 

Đính kèm:

- BCTC Tổng hợp soát xét bán niên.

Địa chỉ website đăng tải BCTC:

<http://www.pecc2.com>.

Đại diện tổ chức  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN CHƠN HÙNG

## **Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 51



# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 21 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện chạy khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có năm (5) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban
------------------------	------------

# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Liên Hải	Phó Tổng Giám đốc

## **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Chơn Hùng.

Bà Phạm Liên Hải, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Chơn Hùng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền để ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12856147/67739231

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.325.743.545.888</b>	<b>1.609.922.985.563</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>132.923.310.728</b>	<b>127.329.031.923</b>
111	1. Tiền		63.123.310.728	54.829.031.923
112	2. Các khoản tương đương tiền		69.800.000.000	72.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>28.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	28.000.000.000	145.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.019.203.018.152</b>	<b>1.241.292.754.775</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	965.370.719.910	1.178.538.447.369
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	34.863.324.611	34.514.249.084
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	51.646.895.153	78.529.681.705
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(32.677.921.522)	(50.289.623.383)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>116.523.422.745</b>	<b>72.386.965.450</b>
141	1. Hàng tồn kho		116.523.422.745	72.386.965.450
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>29.093.794.263</b>	<b>23.914.233.415</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.747.994.349	6.283.542.984
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	21.320.646.161	17.549.195.290
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	25.153.753	81.495.141

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>852.303.956.478</b>	<b>851.122.544.747</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.284.611.065</b>	<b>2.073.191.943</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	2.284.611.065	2.073.191.943
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>443.721.363.113</b>	<b>444.540.426.031</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	304.190.386.989	305.166.064.970
222	Nguyên giá		537.702.905.332	519.479.651.798
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(233.512.518.343)	(214.313.586.828)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	139.530.976.124	139.374.361.061
228	Nguyên giá		211.711.151.509	208.489.164.524
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(72.180.175.385)	(69.114.803.463)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.080.712.032</b>	<b>14.669.869.473</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	5.080.712.032	14.669.869.473
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>391.050.601.288</b>	<b>382.473.449.471</b>
252	1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết		411.678.150.000	394.037.700.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.024.050.600	42.024.050.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(62.651.599.312)	(53.588.301.129)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.166.668.980</b>	<b>7.365.607.829</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.062.925.150	6.504.235.091
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	4.103.743.830	861.372.738
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.178.047.502.366</b>	<b>2.461.045.530.310</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>908.349.355.149</b>	<b>1.127.315.847.579</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>854.742.612.420</b>	<b>1.086.718.507.736</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	335.984.579.424	476.428.962.667
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	38.097.127.536	49.677.771.955
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	10.697.719.445	17.249.968.694
314	4. Phải trả người lao động		56.043.443.543	159.890.903.401
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	36.594.580.825	26.607.159.346
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		358.354.786	358.354.786
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	112.696.237.042	69.269.623.960
320	8. Vay ngắn hạn	19	177.386.489.858	206.823.689.835
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	26.098.547.284	26.991.774.239
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	60.785.532.677	53.420.298.853
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>53.606.742.729</b>	<b>40.597.339.843</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	15	2.241.081.250	2.241.081.250
337	2. Phải trả dài hạn khác		1.419.110.028	1.511.330.028
338	3. Vay dài hạn	19	9.606.830.000	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	20	40.339.721.451	36.844.928.565



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.269.698.147.217</b>	<b>1.333.729.682.731</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>1.269.647.621.820</b>	<b>1.333.679.157.334</b>
411	1. Vốn cổ phần		675.261.650.000	675.261.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		675.261.650.000	675.261.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.922.641.050	4.922.641.050
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		12.641.457.169	12.641.457.169
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		390.822.867.041	380.193.662.909
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		185.992.318.360	260.653.058.006
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		160.634.441.874	207.507.037.344
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		25.357.876.486	53.146.020.662
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		6.688.200	6.688.200
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>50.525.397</b>	<b>50.525.397</b>
431	1. Nguồn kinh phí		50.525.397	50.525.397
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.178.047.502.366</b>	<b>2.461.045.530.310</b>

Hoàng Thụy Hoài Yến  
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	600.936.469.641	269.528.545.597
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(525.235.900.183)	(206.213.422.031)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.700.569.458	63.315.123.566
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	9.088.269.917	11.035.648.614
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(13.872.703.515) (4.376.150.487)	(4.183.797.887) (3.807.127.950)
25	6. Chi phí bán hàng	26	(3.282.618.651)	(62.019.178)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(35.167.768.937)	(43.923.470.744)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.465.748.272	26.181.484.371
31	9. Thu nhập khác	27	875.795.712	1.855.531.365
32	10. Chi phí khác	27	(1.259.318.002)	(119.085.774)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	27	(383.522.290)	1.736.445.591
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.082.225.982	27.917.929.962
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(9.966.720.588)	(5.414.626.463)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		3.242.371.092	-
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		25.357.876.486	22.503.303.499
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.5	376	196
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.5	376	196

Nguyễn Thụy Mỹ Duyên  
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng

Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>32.082.225.982</b>	<b>27.917.929.962</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	23.329.929.746	23.245.526.322
03	Hoàn nhập dự phòng		(5.946.837.747)	(8.901.055.075)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		104.093.022	371.138.452
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.161.987.981)	(10.402.380.184)
06	Chi phí lãi vay	25	4.376.150.487	3.807.127.950
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>46.783.573.509</b>	<b>36.038.287.427</b>
09	Giảm các khoản phải thu		233.602.136.402	3.198.864.087
10	Tăng hàng tồn kho		(44.136.457.295)	(21.360.237.963)
11	Giảm các khoản phải trả		(281.829.517.739)	(79.125.603.501)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.023.141.424)	(1.570.495.432)
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.545.999.066)	(6.128.541.304)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(4.820.580.073)	(5.381.980.387)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	50.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	21	(13.820.024.016)	(3.302.677.219)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(69.790.009.702)</b>	<b>(77.582.384.292)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(13.352.119.952)	(6.985.809.387)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		12.800.000	-
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		117.000.000.000	79.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.640.450.000)	-
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		7.388.910.740	10.436.834.087
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>93.409.140.788</b>	<b>82.451.024.700</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	187.746.803.721	110.891.273.539
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(207.484.133.457)	(136.573.759.996)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22.3	(23.440.000)	(13.265.800)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(19.760.769.736)</b>	<b>(25.695.752.257)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>3.858.361.350</b>	<b>(20.827.111.849)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>127.329.031.923</b>	<b>198.299.196.901</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.735.917.455	(20.886.106)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>132.923.310.728</b>	<b>177.451.198.946</b>

  
Dương Thị Ngọc Anh  
Người lập

  
Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng

  
Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2024



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 21 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện, năng lượng sinh khối và nhà máy điện chạy khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có năm (5) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.252 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.213).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo từng công trình

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	5 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

*Dự phòng bảo hành*

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công việc xây lắp hoàn thành đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập với tỷ lệ từ 0,5% đến 1% doanh thu phát sinh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế giữa niên độ toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, máy móc thiết bị và dịch vụ xây lắp, vận hành nhà máy điện, bán điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	5.170.067.439	2.069.969.240
Tiền gửi ngân hàng	57.953.243.289	52.759.062.683
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>69.800.000.000</u>	<u>72.500.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>132.923.310.728</u></b>	<b><u>127.329.031.923</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất từ 1,6% đến 2,8%/năm.

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh ("TM") số 19*, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 2.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,2%/năm.

Như đã được trình bày tại *TM số 19*, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 10.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 30)	609.249.636.623	774.811.469.582
Phải thu từ các bên khác	356.121.083.288	403.726.977.787
<i>Công ty TNHH Vận hành Phát điện CHD Việt Nam</i>	127.998.639.077	127.998.639.077
<i>Công ty TNHH KC Cottrell Việt Nam</i>	22.724.148.800	22.724.148.800
<i>Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng Ninh Thuận</i>	26.710.447.777	26.710.447.777
<i>Khách hàng khác</i>	178.687.847.633	226.293.742.133
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>965.370.719.910</b>	<b>1.178.538.447.369</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.253.269.272)	(49.864.971.133)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>933.117.450.638</b>	<b>1.128.673.476.236</b>

(\*) Một số khoản phải thu của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội như được trình bày tại TM số 19.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	49.864.971.133	44.281.835.312
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.211.324.913	1.428.648.002
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong kỳ	(18.823.026.774)	(5.429.253.750)
Số cuối kỳ	32.253.269.272	40.281.229.564



## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023			VND
	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	
Công ty TNHH Hamon Việt Nam	5.391.339.686	5.391.339.686	-	5.391.339.686	5.391.339.686	-	
Ban Quản lý dự án ("QLDA") Lưới điện Miền Trung	6.495.908.371	5.274.881.100	1.221.027.271	6.495.908.371	5.274.881.100	1.221.027.271	
Công ty TNHH Nippon Koei	3.814.276.563	2.969.993.594	844.282.969	3.814.276.563	2.969.993.594	844.282.969	
Việt Nam International	3.224.768.799	2.816.253.280	408.515.519	3.224.768.799	2.816.253.280	408.515.519	
Ban QLDA Điện 3	1.560.909.091	1.503.636.364	57.272.727	1.560.909.091	1.503.636.364	57.272.727	
Công ty Cổ phần Kosy							
Công ty Cổ phần Điện gió Kosy							
Bạc Liêu	2.526.345.495	1.444.371.864	1.081.973.631	2.526.345.495	1.263.172.749	1.263.172.746	
Công ty TNHH Một thành viên							
Xây dựng 470	1.428.363.789	1.428.363.789	-	1.428.363.789	1.428.363.789	-	
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển							
Đam B'ri	1.249.253.768	1.249.253.768	-	1.249.253.768	1.249.253.768	-	
Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.182.267.759	1.182.267.759	-	1.182.267.759	1.182.267.759	-	
Công ty TNHH Vận hành Phát điện							
CHD Việt Nam				23.723.636.003	15.896.733.943	7.826.902.060	
Các bên khác	11.048.544.456	8.992.908.068	2.055.636.388	13.066.171.569	10.889.075.101	2.177.096.468	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.921.977.777</b>	<b>32.253.269.272</b>	<b>5.668.708.505</b>	<b>63.663.240.893</b>	<b>49.864.971.133</b>	<b>13.798.269.760</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho các nhà cung cấp	34.439.570.042	34.502.592.084
<i>Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Máy cơ khí Nông nghiệp Tây Đô</i>	7.052.184.000	5.641.747.200
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Sài Gòn</i>	2.326.171.896	-
<i>Nhà cung cấp khác</i>	25.061.214.146	28.860.844.884
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 30)	423.754.569	11.657.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.863.324.611</b>	<b>34.514.249.084</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn nợ phải thu khó đòi	(424.652.250)	(424.652.250)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>34.438.672.361</b>	<b>34.089.596.834</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>51.646.895.153</b>	<b>78.529.681.705</b>
Lãi trả chậm thu hộ	33.550.172.077	59.604.117.021
Tạm ứng cho nhân viên	10.671.403.831	9.699.467.189
Phải thu liên quan dự án	2.858.472.204	2.919.133.417
Ký quỹ, ký cược	2.222.177.142	119.680.000
Lãi tiền gửi	338.567.123	544.649.314
Phải thu cổ tức	165.686.000	4.370.512.500
Khác	1.840.416.776	1.272.122.264
<b>Dài hạn</b>	<b>2.284.611.065</b>	<b>2.073.191.943</b>
Ký quỹ, ký cược	2.284.611.065	2.073.191.943
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.931.506.218</b>	<b>80.602.873.648</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 30)</i>	33.715.858.077	63.974.629.521
<i>Phải thu các bên khác</i>	20.215.648.141	16.628.244.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	96.185.798.890	57.620.294.321
<i>Dự án nhà máy điện Sinh khối Hậu Giang</i>	22.588.913.620	2.184.480.148
<i>Công trình Nhà máy Điện gió Tân Thuận (*)</i>	12.579.750.914	12.375.827.951
<i>Dự án Nhà máy điện Masinloc Unit 4-5</i>	8.590.870.844	7.130.537.686
<i>Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng</i>	8.369.434.069	8.071.308.566
<i>Các công trình lưới điện</i>	7.189.282.529	6.125.514.766
<i>Các công trình khác (*)</i>	36.867.546.914	21.732.625.204
Nguyên vật liệu	18.356.787.963	12.756.143.102
Công cụ, dụng cụ	362.960.309	368.616.881
Hàng hóa	1.617.875.583	1.641.911.146
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>116.523.422.745</u></b>	<b><u>72.386.965.450</u></b>

(\*) Một số hàng tồn kho của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội như được trình bày tại TM số 19.



## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	237.096.828.118	195.848.927.864	43.407.061.155	43.126.834.661	519.479.651.798
Mua mới trong kỳ	-	3.425.874.954	57.000.000	2.166.559.033	5.649.433.987
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành (TM số 12)	6.474.774.040	6.307.501.655	878.932.660	-	13.661.208.355
Thanh lý trong kỳ	-	(538.895.350)	-	(548.493.458)	(1.087.388.808)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	243.571.602.158	205.043.409.123	44.342.993.815	44.744.900.236	537.702.905.332
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	17.987.403.261	25.383.680.420	29.758.924.091	9.795.879.064	82.925.886.836
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(55.466.327.608)	(96.327.821.257)	(37.453.157.846)	(25.066.280.117)	(214.313.586.828)
Khấu hao trong kỳ	(5.844.543.218)	(9.457.559.303)	(1.031.714.080)	(3.952.503.722)	(20.286.320.323)
Thanh lý trong kỳ	-	538.895.350	-	548.493.458	1.087.388.808
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(61.310.870.826)	(105.246.485.210)	(38.484.871.926)	(28.470.290.381)	(233.512.518.343)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	181.630.500.510	99.521.106.607	5.953.903.309	18.060.554.544	305.166.064.970
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	182.260.731.332	99.796.923.913	5.858.121.889	16.274.609.855	304.190.386.989

Một số tài sản cố định của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như được trình bày tại TM số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	157.748.193.775	50.740.970.749	208.489.164.524
Mua mới trong kỳ	-	3.221.986.985	3.221.986.985
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	157.748.193.775	53.962.957.734	211.711.151.509
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	46.719.050.479	46.719.050.479
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(21.275.080.333)	(47.839.723.130)	(69.114.803.463)
Hao mòn trong kỳ	(1.544.429.316)	(1.520.942.606)	(3.065.371.922)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(22.819.509.649)	(49.360.665.736)	(72.180.175.385)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	136.473.113.442	2.901.247.619	139.374.361.061
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	134.928.684.126	4.602.291.998	139.530.976.124

(\*) Số dư này bao gồm quyền sử dụng đất với giá trị 147.704.992.000 VND tại Số 32 Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố theo Hợp đồng Số 02/HĐMBN-QLKQN ký ngày 16 tháng 1 năm 2017. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan và đang thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tòa nhà văn phòng PECC2 Tower - Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Điện mặt trời áp mái Long Khánh	-	6.307.501.655
Khu văn phòng phục vụ Dự án Nhà máy		
Điện sinh khối Hậu Giang	-	2.962.654.599
Các công trình khác	540.710.747	859.711.934
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.080.712.032</b>	<b>14.669.869.473</b>

(\*) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang thay đổi trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	14.669.869.473	14.483.286.172
Tăng trong kỳ	4.072.050.914	-
Hoàn thành và chuyển sang tài sản cố định hữu hình (TM số 10)	(13.661.208.355)	(2.345.985.705)
Giảm khác	-	(101.595.573)
Số cuối kỳ	<u>5.080.712.032</u>	<u>12.035.704.894</u>

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 13.1)	411.678.150.000	394.037.700.000
Đầu tư vào các đơn vị khác (TM số 13.2)	42.024.050.600	42.024.050.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>453.702.200.600</b>	<b>436.061.750.600</b>
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn (TM số 13.2)	(62.651.599.312)	(53.588.301.129)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>391.050.601.288</b>	<b>382.473.449.471</b>

## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC") (*)	Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, kinh doanh điện năng	25,11	228.885.000.000	(62.651.599.312)	25,11	228.885.000.000	(53.588.301.129)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái		45,00	95.382.900.000	-	45,00	77.742.450.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Xã Sơn Mỹ, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận		25,00	87.410.250.000	-	25,00	87.410.250.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>411.678.150.000</b>	<b>(62.651.599.312)</b>		<b>394.037.700.000</b>	<b>(53.588.301.129)</b>

(\*) Khoản dự phòng vào CMC được Ban Tổng Giám đốc đánh giá trên nguyên tắc thận trọng dựa trên khoản lỗ lũy kế của CMC tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 tương ứng với tỷ lệ góp vốn của công ty vào CMC. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản lỗ phát sinh tại CMC là khoản lỗ trong kế hoạch do thời gian đầu vận hành Nhà máy điện gió Tân Thuận. Ban Tổng Giám đốc Công ty kỳ vọng dự án sẽ bắt đầu phát sinh lợi nhuận vào năm tài chính 2025 và bù đắp dần khoản lỗ lũy kế này trong vài năm tới.



## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.2 Đầu tư vào các đơn vị khác

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024				Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ		Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ	
			VND	%			VND	%
<b>Các công ty niêm yết</b>	<b>18.406.850.600</b>	<b>78.185.687.333</b>			<b>18.406.850.600</b>	<b>63.968.594.975</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.750.000.000	74.396.448.513	-	5	16.750.000.000	60.009.859.377	-	5
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.656.850.600	3.789.238.820	-	0,45	1.656.850.600	3.958.735.598	-	0,45
<b>Các công ty khác</b>	<b>23.617.200.000</b>	<b>(*)</b>			<b>23.617.200.000</b>	<b>(*)</b>		
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	21.617.200.000	(*)	-	10	21.617.200.000	(*)	-	10
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh	2.000.000.000	(*)	-	10	2.000.000.000	(*)	-	10
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.024.050.600</b>	<b>-</b>			<b>42.024.050.600</b>	<b>-</b>		

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một cách chính thức. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị tổn thất dựa trên kế hoạch phát triển và tiến độ thực hiện dự án của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cho các bên khác	335.090.685.608	475.064.013.370
<i>China Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd</i>	147.034.928.401	300.620.335.880
<i>Nhà cung cấp khác</i>	188.055.757.207	174.443.677.490
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 30)	893.893.816	1.364.949.297
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>335.984.579.424</u></b>	<b><u>476.428.962.667</u></b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.097.127.536</b>	<b>49.677.771.955</b>
Người mua trả tiền trước	37.526.338.385	35.657.086.216
<i>Lane Xang Property &amp; Power Development Co., Ltd</i>	9.086.000.000	9.086.000.000
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo BIM</i>	4.104.558.876	3.351.651.667
<i>Gazprom EP International B.V.</i>	3.084.480.000	3.084.480.000
<i>Khách hàng khác</i>	21.251.299.509	20.134.954.549
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 30)	570.789.151	14.020.685.739
<b>Dài hạn</b>	<b>2.241.081.250</b>	<b>2.241.081.250</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý - Nậm Mô	2.241.081.250	2.241.081.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.338.208.786</u></b>	<b><u>51.918.853.205</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.290.678.228	9.966.720.588	(4.820.580.073)	7.436.818.743
Thuế giá trị gia tăng	12.799.519.620	18.146.916.101	(29.261.679.092)	1.684.756.629
Thuế thu nhập cá nhân	2.159.770.846	14.392.710.380	(15.876.795.295)	675.685.931
Thuế khác	-	24.405.118.738	(23.504.660.596)	900.458.142
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.249.968.694</u></b>	<b><u>66.911.465.807</u></b>	<b><u>(73.463.715.056)</u></b>	<b><u>10.697.719.445</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	17.549.195.290	48.550.024.970	(44.778.574.099)	21.320.646.161
Thuế thu nhập cá nhân	81.495.141	-	(56.341.388)	25.153.753
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.630.690.431</u></b>	<b><u>48.550.024.970</u></b>	<b><u>(44.834.915.487)</u></b>	<b><u>21.345.799.914</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trích trước chi phí dự án	33.803.111.261	24.966.327.972
<i>Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang</i>	21.223.337.045	5.572.811.580
<i>Dự án Nhà máy điện gió Tân Thuận</i>	4.540.200.770	4.291.613.273
<i>Các dự án khác</i>	8.039.573.446	15.101.903.119
Lãi vay	147.999.733	327.515.924
Chi phí khác	2.643.469.831	1.313.315.450
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.594.580.825</u></b>	<b><u>26.607.159.346</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>112.696.237.042</b>	<b>69.269.623.960</b>
Cổ tức phải trả	68.393.545.821	890.820.821
Lãi trả chậm thu hộ phải trả	33.552.216.113	59.606.161.057
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	2.150.492.105	1.362.152.109
Phải trả liên quan dự án	1.387.275.890	1.810.362.956
Ký cược, ký quỹ	411.684.000	319.464.000
Khác	6.801.023.113	5.280.663.017
<b>Dài hạn</b>	<b>1.419.110.028</b>	<b>1.511.330.028</b>
Ký cược, ký quỹ	1.419.110.028	1.511.330.028
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>114.115.347.070</u></b>	<b><u>70.780.953.988</u></b>

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>206.823.689.835</b>	<b>173.113.383.721</b>	<b>(202.550.583.698)</b>	<b>177.386.489.858</b>	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	190.763.580.784	170.845.977.809	(186.490.474.647)	175.119.083.946	
Vay nhân viên (Thuyết minh số 19.2)	16.060.109.051	2.267.405.912	(16.060.109.051)	2.267.405.912	
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>14.633.420.000</b>	<b>(5.026.590.000)</b>	<b>9.606.830.000</b>	
Vay nhân viên (Thuyết minh số 19.3)	-	14.633.420.000	(5.026.590.000)	9.606.830.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>206.823.689.835</b>	<b>187.746.803.721</b>	<b>(207.577.173.698)</b>	<b>186.993.319.858</b>	

19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	77.635.329.712	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến 21 tháng 1 năm 2025	3,9 – 4,8	Dây chuyền cắt thép và dây chuyền đột lỗ thép tám điều khiển tại Chi nhánh Cơ điện; Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
	18.566.597.464	Từ ngày 2 tháng 8 năm 2024 đến 6 tháng 12 năm 2025	6,5 – 6,8	
	31.963.200.038	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 đến 27 tháng 2 năm 2025	4,2 – 4,9	Quyền đòi toàn bộ khoản nợ/ khoản thanh toán đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai từ Dự án Nhà máy điện Sinh khối Hậu Giang (25MW)
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	24.966.731.149	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2024 đến 15 tháng 11 năm 2024	3,5 – 5	Tin chấp





## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY (tiếp theo)

#### 19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 ("MB")	12.995.628.128	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2024 đến 24 tháng 12 năm 2024	6 – 7	Hàng hóa/ sản lượng dở dang và quyền đòi nợ từ phương án MB tài trợ/ Hàng tồn kho luân chuyển/ Quyền đòi nợ đã hình thành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	8.991.597.455	Từ ngày 13 tháng 12 năm 2024 đến 17 tháng 12 năm 2024	4	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>175.119.083.946</b>			

#### 19.2 Vay nhân viên ngắn hạn

Đây là các khoản vay tin chấp người lao động chịu lãi suất 1%/ năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 3 năm 2025.

#### 19.3 Vay nhân viên dài hạn

Vay nhân viên	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
Khoản vay 1	5.645.390.000	28 tháng 3 năm 2029	1	Tín chấp
Khoản vay 2	3.961.440.000	29 tháng 3 năm 2029	1	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.606.830.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.098.547.284</b>	<b>26.991.774.239</b>
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	22.293.413.920	22.293.413.920
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 1	2.405.831.692	2.405.831.692
Khác	1.399.301.672	2.292.528.627
<b>Dài hạn</b>	<b>40.339.721.451</b>	<b>36.844.928.565</b>
Dự án Nhà máy Điện gió Tân Thuận	29.347.947.523	29.430.245.795
Dự án Nhà máy Điện than Vân Phong 1	4.458.144.141	4.458.144.141
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	6.032.858.891	2.467.280.291
Khác	500.770.896	489.258.338
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.438.268.735</b>	<b>63.836.702.804</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải trả trong kỳ:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	63.836.702.804	65.164.520.971
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	3.578.048.020	491.708.590
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(894.183.817)	(2.035.088.054)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong kỳ	(82.298.272)	(123.000.000)
Số cuối kỳ	<u>66.438.268.735</u>	<u>63.498.141.507</u>

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	53.420.298.853	55.661.974.622
Cộng: Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (TM số 22.1)	21.863.247.000	8.199.722.144
Cộng: Tặng khác	-	50.000.000
Trừ: Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	(10.593.301)	-
Trừ: Giảm khác	(667.395.859)	-
Trừ: Sử dụng quỹ	(13.820.024.016)	(3.302.677.219)
Số cuối kỳ	<u>60.785.532.677</u>	<u>60.609.019.547</u>



## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
							VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	380.193.662.909	283.232.924.488	6.688.200	1.356.259.023.816
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	22.503.303.499	-	22.503.303.499
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	(67.526.165.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.199.722.144)	-	(8.199.722.144)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	380.193.662.909	230.010.340.843	6.688.200	1.303.036.440.171
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	380.193.662.909	260.653.058.006	6.688.200	1.333.679.157.334
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	25.357.876.486	-	25.357.876.486
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	(67.526.165.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	10.629.204.132	(10.629.204.132)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.863.247.000)	-	(21.863.247.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	390.822.867.041	185.992.318.360	6.688.200	1.269.647.621.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>		
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>%</i>
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	34.659.057	346.590.570.000	51,33
Các cổ đông khác	32.867.108	328.671.080.000	48,67
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.526.165</b>	<b>675.261.650.000</b>	<b>100</b>

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>675.261.650.000</u>	<u>675.261.650.000</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>		
Cổ tức đã công bố (i)	67.526.165.000	67.526.165.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	23.440.000	13.265.800

(i) Công ty đã công bố cổ tức phải trả cho năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ trị giá 67.526.165.000 đồng theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024.

**22.4 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.526.165	67.526.165

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lợi nhuận và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	25.357.876.486	22.503.303.499
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(9.257.424.669)
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>25.357.876.486</b>	<b>13.245.878.830</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu) (ii)	67.526.165	67.526.165
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)</b>	<b>376</b>	<b>196</b>

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	570.869.256.467	250.747.615.209
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	20.233.608.824	8.130.242.016
Doanh thu bán điện	9.759.006.930	10.650.688.372
Doanh thu khác	74.597.420	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>600.936.469.641</u></b>	<b><u>269.528.545.597</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	482.622.430.652	117.560.377.726
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	118.314.038.989	151.968.167.871

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi cho các khoản thanh toán trả chậm	4.193.916.690	4.224.840.739
Lãi tiền gửi	2.790.748.927	6.177.539.445
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.937.918.300	633.268.430
Cổ tức được chia	165.686.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.088.269.917</u></b>	<b><u>11.035.648.614</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	4.728.667.227	6.810.807.875
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 30)</i>	4.359.602.690	4.224.840.739

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	499.700.864.624	188.035.086.885
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	19.186.267.346	8.225.233.831
Giá vốn bán điện	6.348.768.213	9.953.101.315
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>525.235.900.183</u></b>	<b><u>206.213.422.031</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư	9.063.298.183	-
Chi phí lãi vay	4.376.150.488	3.807.127.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá	433.254.844	376.669.937
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.872.703.515</b>	<b>4.183.797.887</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>3.282.618.651</b>	<b>62.019.178</b>
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng bảo hành	2.889.398.300	(21.962.572)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.220.351	83.981.750
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>35.167.768.937</b>	<b>43.923.470.744</b>
Chi phí nhân công	15.425.443.859	9.175.649.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.522.504.785	7.188.111.712
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.755.368.448	11.299.756.992
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	2.506.463.988	3.445.673.284
Thuế, phí và lệ phí	2.382.850.463	1.682.141.967
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(15.769.765.369)	(4.000.605.748)
Chi phí khác	15.344.902.763	15.132.743.230
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.450.387.588</b>	<b>43.985.489.922</b>

**27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>875.795.712</b>	<b>1.855.531.365</b>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	728.167.285	1.808.262.943
Khác	147.628.427	47.268.422
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.259.318.002)</b>	<b>(119.085.774)</b>
Các khoản phạt	(1.259.318.002)	(65.000.649)
Chi phí khác	-	(54.085.125)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN</b>	<b>(383.522.290)</b>	<b>1.736.445.591</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.034.541.861	92.964.044.691
Chi phí nhân công	122.877.287.442	105.388.908.779
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.872.365.301	14.575.786.856
Chi phí khấu hao và hao mòn	23.329.929.746	23.281.687.653
Hoàn nhập dự phòng	(12.880.367.069)	(6.147.591.300)
Chi phí khác	52.018.035.059	37.375.926.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>602.251.792.340</u></b>	<b><u>267.438.763.476</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời ("Các dự án") trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.028.958.648	5.633.754.509
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	3.937.761.940	(219.128.046)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.242.371.092)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.724.349.496</u></b>	<b><u>5.414.626.463</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>32.082.225.982</b>	<b>27.917.929.962</b>
Thuế TNDN áp dụng cho Công ty	6.416.445.196	5.583.585.992
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	3.937.761.940	(219.128.046)
Chi phí thuế không được trừ	234.440.407	40.507.617
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(33.137.200)	-
Khác	(3.831.160.847)	9.660.900
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>6.724.349.496</b>	<b>5.414.626.463</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Người mua trả tiền trước	3.732.813.159	-	3.732.813.159	-
Dự phòng bảo hành	481.166.338	481.166.338	-	-
Chi phí phải trả	380.206.400	380.206.400	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	84.930.450	-	84.930.450	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(575.372.517)	-	(575.372.517)	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>4.103.743.830</b>	<b>861.372.738</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh giữa niên độ</b>			<b>3.242.371.092</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Công ty liên kết:</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	Chi hộ Cung cấp dịch vụ Doanh thu tài chính	30.816.317.556 22.020.445.200 4.193.916.690	16.908.432.373 27.403.799.916 4.224.840.739
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Cung cấp dịch vụ	3.107.272.394	2.948.272.394
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	17.640.450.000 1.623.698.173	- 1.186.382.205
<b>Đầu tư khác:</b>			
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	Cung cấp dịch vụ	356.557.859.921	32.856.081.230
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Cổ tức	165.686.000	-
<b>Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"):</b>			
Ban Quản lý Dự án ("QLDA") các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	50.124.832.456	6.434.516.556
Ban QLDA Điện 3	Cung cấp dịch vụ	17.663.494.099	685.591.614
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Cung cấp dịch vụ	8.963.190.116	4.161.072.868
Công ty Mua bán điện - EVN	Cung cấp điện	8.473.462.024	9.332.758.840
Công ty Truyền tải Điện 3	Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	4.912.210.660 -	- 76.367.268
Ban QLDA Điện 2	Cung cấp dịch vụ	4.182.393.719	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Mua dịch vụ	1.650.274.504	1.177.336.946
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Cung cấp dịch vụ	1.464.709.564	1.442.341.431
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Cung cấp điện Mua dịch vụ	1.285.544.906 680.434.911	1.317.929.532 158.206.661
Ban QLDA Truyền tải Điện	Cung cấp dịch vụ	713.888.162	3.206.058.075
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	629.720.852	864.315.913



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Các công ty cùng Tập đoàn: (tiếp theo)</b>			
Công ty Truyền tải Điện 2	Mua dịch vụ	292.834.806	146.417.403
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	277.273.350	-
Công ty Truyền tải Điện 4	Cung cấp dịch vụ	253.465.715	29.164.672
Công ty Viễn thông điện lực và Công nghệ thông tin – Chi nhánh ("CN") EVN	Mua dịch vụ	234.899.046	-
Công ty Điện lực Phú Thọ	Mua dịch vụ	225.373.396	227.395.475
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Mua dịch vụ	204.180.000	-
Công ty Thủy điện Trj An	Cung cấp dịch vụ	178.325.000	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	142.800.640	7.036.521.882
Công ty Điện lực Sài Gòn	Mua dịch vụ	108.518.487	110.154.190
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	98.065.294	4.822.952.450
Công ty Điện Lực Trà Vinh - Điện Lực Thị xã Duyên Hải	Mua dịch vụ	81.601.721	-
Công ty Điện lực Bình Thuận	Mua dịch vụ	51.593.763	73.845.277
Công ty TNHH MTV Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương Mại Điện Lực	Mua dịch vụ	44.560.181	-
Công ty Điện lực Phú Yên - Điện Lực Phú Hòa	Mua dịch vụ	12.889.170	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Các công ty cùng Tập đoàn: (tiếp theo)</b>			
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung – CN TCT Điện lực Miền Trung	Mua dịch vụ	10.793.519	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Mua dịch vụ	1.833.333	-
Công ty Điện lực Bảo Lộc	Mua dịch vụ	169.330	1.501.012
Công ty Truyền tải Điện 1	Cung cấp dịch vụ	-	5.113.042.500
TCT Điện lực Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	-	3.394.106.122
Công ty Thủy điện Sơn La	Cung cấp dịch vụ	-	1.747.466.000
EVN (Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng)	Cung cấp dịch vụ	-	1.597.055.150
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.128.456.377
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	761.991.499
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	Mua dịch vụ	-	123.000.000
Công ty Thủy điện Đồng Nai – CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	-	90.500.500
	Điều chỉnh giảm doanh thu	(50.221.593)	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Mua dịch vụ	-	11.671.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Công ty liên kết:</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	365.344.771.578	525.517.559.052
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Điện Thác Bà 2	7.612.933.387	11.756.698.306
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	3.355.854.186	1.781.817.693
<b>Đầu tư khác:</b>		
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	74.983.024.664	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh	4.960.542.857	4.960.542.857
<b>Các công ty cùng Tập đoàn:</b>		
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân – CN TCT Phát điện 3	54.050.434.910	54.050.434.910
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	25.536.974.229	61.135.768.068
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	21.680.269.182	47.820.359.869
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	15.781.864.893	21.947.321.518
Ban QLDA Truyền tải điện	6.898.023.183	7.157.887.244
Công ty Mua bán Điện	5.979.622.231	6.533.869.578
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	5.142.178.269	4.930.858.513
Ban QLDA Điện 3	3.029.824.697	3.988.947.847
Ban QLDA Điện 2	2.920.596.226	-
Ban QLDA Điện 1	2.670.400.000	2.670.400.000
Công ty Truyền tải Điện 3	2.379.081.511	-
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	1.434.053.187	1.165.964.334
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	1.257.046.462	1.438.922.393
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	999.707.772	999.707.772
TCT Điện Lực Thành Phố Hà Nội	691.815.311	691.815.311
Công ty Thủy điện Ialy – Chi nhánh EVN	552.351.048	972.863.775
Công ty Truyền tải điện 4	477.606.201	773.793.195
Ban QLDA Thủy điện 6 – Chi nhánh EVN	317.460.939	317.460.939
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	311.508.995	1.985.999.467
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	94.348.835	1.061.202.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i></b> (tiếp theo)		
<b>Các công ty cùng Tập đoàn:</b> (tiếp theo)		
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát Điện 1	188.800.000	388.800.000
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - CN EVN	183.168.000	183.168.000
Công ty Truyền tải điện 1	149.235.198	149.235.198
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	138.972.373	138.972.373
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2 - CN TCT Phát điện 2	90.501.000	90.501.000
Tổng Công ty Phát điện 1	22.409.661	22.409.661
Công ty Điện lực Kiên Giang	14.036.017	14.036.017
Công ty Truyền tải điện 2	219.621	219.621
Công ty Thủy điện Huệi Quảng - Bản Chát - CN EVN	-	5.124.166.943
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh - CN TCT Phát điện 1	-	2.149.022.988
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	-	1.582.993.775
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	1.185.813.676
CN TCT Điện lực TP.HCM - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	-	77.266.824
Công ty Thủy điện Đồng Nai - CN TCT Phát điện 1	-	44.667.958
	<b>609.249.636.623</b>	<b>774.811.469.582</b>

***Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua dịch vụ***

**Công ty cùng Tập đoàn:**

CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công trình Thí nghiệm Điện Miền Nam	176.516.480	-
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	157.950.900	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	89.281.449	-
Công ty Điện lực Lâm Đồng	5.740	-
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung	-	11.657.000
	<b>423.754.569</b>	<b>11.657.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác về chi hộ</b>		
<b>Công ty liên kết:</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	33.550.172.077	59.604.117.021
<b>Phải thu ngắn hạn khác về nhận cổ tức</b>		
<b>Công ty liên kết:</b>		
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	-	4.370.512.500
<b>Đầu tư khác:</b>		
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	165.686.000	-
	<b><u>33.715.858.077</u></b>	<b><u>63.974.629.521</u></b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn về mua dịch vụ</b>		
<b>Công ty cùng Tập đoàn:</b>		
Công ty Truyền tải điện 2	316.261.590	158.130.795
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – CN EVN	311.993.276	311.993.276
Công ty Viễn thông và Công nghệ Thông tin - EVN	258.388.950	538.889.573
Công ty TNHH Một Thành Viên Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	7.250.000	36.500.000
Công ty Truyền tải điện 3	-	252.928.389
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	-	66.507.264
	<b><u>893.893.816</u></b>	<b><u>1.364.949.297</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn về cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Công ty mẹ:</b>		
EVN	223.595.659	223.595.659
<b>Đầu tư khác:</b>		
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	-	13.293.192.610
<b>Công ty cùng Tập đoàn:</b>		
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	254.931.576	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN TCT Phát điện 3	89.272.153	-
Công ty Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
Ban QLDA Điện 2	-	500.907.707
	<b><u>570.789.151</u></b>	<b><u>14.020.685.739</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh mục và tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập		VND
		Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	
		sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
<b>Tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>				
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	264.960.000	243.000.000	
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	255.144.000	234.000.000	
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	225.708.000	207.000.000	
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	225.708.000	207.000.000	
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	225.708.000	207.000.000	
<b>Tiền lương của Kế toán trưởng</b>				
Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	206.076.000	189.000.000	
<b>Thù lao của Hội đồng quản trị</b>				
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT	41.400.000	41.400.000	
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT	41.400.000	41.400.000	
<b>Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát</b>				
Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban Kiểm soát	43.200.000	43.200.000	
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	41.400.000	41.400.000	
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	41.400.000	41.400.000	
		<b>1.612.104.000</b>	<b>1.495.800.000</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê***

Công ty hiện đang thuê đất, thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	5.128.115.577	8.986.125.577
Từ 1 đến 5 năm	20.375.062.310	20.813.392.310
Trên 5 năm	150.595.992.156	153.427.457.652
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>176.099.170.043</u></b>	<b><u>183.226.975.539</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động - Công ty là bên cho thuê***

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	9.089.650.168	9.679.314.168
Từ 1 đến 5 năm	10.275.037.624	14.700.422.708
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.364.687.792</u></b>	<b><u>24.379.736.876</u></b>

**32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	1.508.410,22	1.477.051,08
Ngoại tệ - Rúp Nga (RUB)	7.520	7.520
Ngoại tệ - Yên Nhật (JPY)	352.000	352.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Hoàng Thụy Hoài Yến  
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2024

